toán lớp 8: các công thức toán 8

Câu 1 **Khai triển hằng đẳng thức (a + b)^2 ta được kết quả nào?**

A. a^2 + b^2

B. a^2 + ab + b^2

C. a^2 + 2ab + b^2

D. a^2 - 2ab + b^2

Câu 2 **Hiệu hai lập phương a^3 - b^3 được phân tích thành nhân tử là:**

A. (a - b)(a^2 + ab + b^2)

B. (a - b)^3

C. (a - b)(a^2 - ab + b^2)

D. (a + b)(a^2 - ab + b^2)

Câu 3 **Phân tích đa thức x^2 - 9 thành nhân tử ta được:**

A. (x + 3)^2

B. (x - 3)^2

C. (x - 3)(x + 3)

D. (x - 9)(x + 1)

Câu 4 **Rút gọn phân thức (x^2 - 4)/(x - 2) (với x khác 2) ta được:**

A. 2x

B. x - 2

C. x + 2

D. x^2 + 2

Câu 5 **Nghiệm của phương trình bậc nhất 3x - 6 = 0 là:**

A. x = 3

B. x = 6

C. x = -2

D. x = 2

Câu 6 **Diện tích tam giác có đáy a và chiều cao tương ứng h được tính bằng công thức:**

A. S = 2a.h

B. S = a.h

C. S = (a.h)/2

D. S = (a + h)/2

Câu 7 **Trong tam giác vuông, theo định lí Py-ta-go ta có:**

A. a^2 = b^2 + c^2

B. a^2 = 2bc

C. a = b + c

D. a^2 = b^2 - c^2

Câu 8 **Diện tích hình thang có hai đáy a, b và chiều cao h là:**

A. S = ((a + b).h)/2

B. S = a.b.h

C. S = (a + b).h

D. S = (a.b)/2

Câu 9 **Hằng đẳng thức lập phương của một tổng (a + b)^3 bằng:**

A. a^3 + 3a^2b + 3ab^2 + b^3

B. a^3 + 3ab + b^3

C. a^3 - 3a^2b + 3ab^2 - b^3

D. a^3 + b^3

Câu 10 **Phân thức (x^2 - 1)/(x + 1) (với x khác -1) sau khi rút gọn bằng:**

A. x - 1

B. x^2 - 1

C. 1 - x

D. x + 1

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**

diemdanh.app